

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

- Thay thế dây dẫn trung thế hiện hữu vận hành lâu năm, bị xuống cấp, dây có nhiều mối nối gồm:

+ Thay 52.302 m cho dây pha và dây trung hòa AC 50mm² bằng dây mới cùng tiết diện.

+ Thay 15.655 m dây pha và dây trung hòa AC 185 mm² bằng dây mới cùng tiết diện.

+ Thay 32.660m dây pha AC 240 mm² bằng dây mới cùng tiết diện.

+ Thay 729m dây trung hòa AC 120 mm² bằng dây mới cùng tiết diện.

+ Thay 927m dây trung hòa AC 35mm² bằng dây mới cùng tiết diện.

- Thay 43 trụ BTLT 8,5m; 10,5m; 12m; 14m bằng trụ mới cùng loại.

- Thay 63 LBFCO, 15 FCO và 12 LA cho đầu nhánh rẽ, trạm biến áp.

- Thay các bộ đà đỡ dây và phụ kiện đường dây trung thế bị rỉ sét,...không đảm bảo an toàn vận hành.

- Thay thế cách điện treo, đứng tại các vị trí bị phóng điện bề mặt sứ, các sứ bị bể.

- Thay thế các bộ tiếp đất lặp lại hiện hữu bị xuống cấp không đảm bảo trong quá trình vận hành.

2. Thời hạn hoàn thành: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thi công xây lắp hoàn tất công trình là 90 ngày kể từ ngày khởi công (đã bao gồm ngày nghỉ, lễ theo quy định).

Nội dung và khối lượng công việc cụ thể được nêu trong BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải lưu ý các vấn đề sau:

– Chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí vật tư, nhân công, máy thi công và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí theo quy định và chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.

– Đối với các nội dung công việc mời thầu có nêu phần vật liệu, thiết bị A cấp: Nhà thầu (bên B) không đưa giá vật liệu thiết bị này vào đơn giá dự thầu mà chỉ tính chi phí lắp đặt và vận chuyển từ kho Công ty Điện lực Đồng Tháp đến vị trí thi công.

– Đối với các vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp phải đảm bảo theo yêu cầu tại Quyết định 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 (đính kèm các file đặc tính kỹ thuật của từng vật tư, thiết bị nêu trong bảng mẫu số 01B bảng kê hạng mục công việc).

– Công tác đào đắp đất, phát quang hành lang tuyến: Nhà thầu đi khảo sát hiện trường và tự tính toán để chào thầu cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện trường thi công (tức là Nhà thầu chào trọn gói cho công tác này).

– Công tác đổ bê tông: phần ván khuôn đổ bê tông Nhà thầu tính toán và chào giá chung vào giá chào của công tác bê tông.

– Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động, chi phí di chuyển bộ máy thi công và đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công, chi phí mua bảo hiểm đối với phần trách nhiệm của nhà thầu, chi phí thông báo đóng cắt điện phục vụ thi công, Nhà thầu tự tính toán và cộng thêm vào giá chào thầu của các hạng mục xây lắp.

– Đối với các nội dung công việc tháo lắp lại: Nhà thầu tính chi phí tháo lắp lại. Riêng các nội dung công việc có bổ sung vật liệu phục vụ lắp lại, Nhà thầu phải bổ sung phần chi phí mua sắm vật liệu bổ sung này vào đơn giá dự thầu.

– Đối với các nội dung công việc tháo thu hồi:

+ Nhà thầu tính toán chi phí tháo và vận chuyển để bàn giao tại kho Công ty Điện lực Đồng Tháp.

+ Công tác xác định khối lượng dây dẫn thu hồi áp dụng theo quy định tại văn bản số 4025/EVN SPC-ĐT ngày 20/5/2019 và văn bản số 4657/EVN SPC-ĐT ngày 10/6/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Do phải đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện theo quy định của Tổng Công ty Điện lực miền Nam nên việc cắt điện thi công công trình là rất hạn chế. Vì vậy, các phần việc thi công liên quan đến công tác cắt điện, Nhà thầu phải tập trung tối đa vật tư thiết bị, phương tiện và nhân lực để thi công hoàn tất các hạng mục khối lượng trong ngày cắt điện, đảm bảo trả lại vận hành bình thường cho lưới điện hiện hữu đúng thời gian theo kế hoạch đăng ký.

– Nhà thầu phải tiến hành thi công trước những phần công việc không liên quan đến cắt điện.

– Thời gian và số lần tối đa được phép cắt điện để thi công hoàn thành công trình sẽ thống nhất và nêu cụ thể trong thương thảo hợp đồng.

– Nhà thầu phải có kế hoạch tổ chức thi công hợp lý để rút ngắn tiến độ đồng thời hạn chế tối đa số lần cắt điện để thi công.

– Hàng tuần, Nhà thầu phối hợp với Điện lực (có hạng mục thi công công trình) khảo sát hiện trường, thống nhất ngày cắt điện và gửi về Công ty Điện Lực

Đồng Tháp (từ 07 giờ 00 sáng thứ Hai đến trước 15 giờ 00 chiều thứ Ba), để được bố trí lịch cắt điện cho tuần tiếp theo.

– Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra sự cố lưới điện và thiết bị hiện hữu trên lưới gây ra do lỗi trong quá trình thi công của nhà thầu.

– Công trình thi công trong khu vực dân cư đông đúc, Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp an toàn giao thông theo quy định. Trong quá trình thực hiện đào đất móng trụ, móng chằng (nếu có) đơn vị thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người qua lại trong khu vực thi công. Tổ chức san lấp trả lại mặt bằng ngay sau khi thi công hoàn thành. Nếu để qua đêm và kéo dài thời gian san lấp các vị trí hố móng trụ thì đơn vị thi công phải thiết lập hàng rào chắn, biển báo nhằm đảm bảo an toàn cho người dân xung quanh.

Ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình, nhà thầu lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế			Ghi chú	
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện			Thời gian cắt điện (giờ)
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG			82			
1	Tuyến 22kV Mỹ Thị, Mỹ Trung,(47119-7), MSTs: DTH-0024298	Thay 4.535 mét dây dẫn trần 4xAC50 mm ² thành 3xACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 47236-7 và 47119-7	2		7g30p – 16g30p	
2	Tuyến 22kV Cai Lậy -Hòa Khánh-Mỹ Đức Đông , MSTs: DTH-0024017, DTH-0024515	Thay 11.284 mét dây dẫn trần 3xAC240 + AC185mm ² thành 3xACXH 240+AC185mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	REC FG4, G50, G34, G42	6		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3	Tuyến 22kV QL1A-Kinh 28 dài 743m (trụ 2-11 dọc TLộ 863), MSTS: DTH-0030742	Thay 729 mét dây dẫn trần 3xAC185+AC120mm ² thành 3xACXH185 +AC120m ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	MC 476CB, 482CB	1		7g30p – 16g30p	
4	Tuyến 22kV Cầu Ngang -MTN (G80), (T12-T26), MSTS: DTH-0035793	Tháp 25 bộ ã 2xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBS G80	1		7g30p – 16g30p	
5	Tuyến 12,7KV Cầu Ngang, Mỹ Trung. MSTS: DTH-0034459	Thay 1.155 mét dây trung hòa trần AC50+AC35mm ² thành AC50+AC35mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 47134-7 và 47136-7	1		7g30p – 16g30p	
6	Tuyến 12,7KV Kinh Cầu Cháy, Mỹ Hội, 4764-7, MSTS: DTH-0025856	Thay 1.663mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 4764-7	1		7g30p – 16g30p	
7	Tuyến 12,7kV Kinh Đất Làng; MSTS: DTH-0024285	Thay 1.453mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 4796-7	1		7g30p – 16g30p	
8	Tuyến 12,7KV Kinh Gò Chạy (Hội Cư), MSTS: DTH-0025857	Thay 754mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 47148-7	1		7g30p – 16g30p	
9	Tuyến 22kV QLI-Cảng Cái Thia, MSTS: DTH-0025870	Thay 4029mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 50 bộ ã 2xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBS 47200	1		7g30p – 16g30p	
10	Tuyến 22kV Thủy sản nước ngọt Cỗ Lịch (47633-7);	Thay 629mét dây dẫn trần 4xAC50mm ² thành 3xACXH50+AC50mm ²	LBFCO 47633-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	MSTS: DTH-0027532	vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây					
11	Tuyến 12,7kV MLB - Kinh Kho (47103-7), MSTS: DTH-0024288	Thay 2.576mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 12 bộ đà 2xU160-3m và 27 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47103-7	1		7g30p – 16g30p	
12	Tuyến 12,7kV Kinh Ba Lân - MLB(47305-7), MSTS: DTH-0031105	Thay 687mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 08 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47305-7	1		7g30p – 16g30p	
13	Tuyến 12,7kV Rạch Tre - Cầu Ông Bàu (47187-7), DTH-0025882	Thay 972mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 10 bộ đà 2xU160-3m và 05 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47187-7	1		7g30p – 16g30p	
14	Tuyến 12,7kV Kinh 8 Thước-MLB (47303-7). MSTS: DTH-0031104	Thay 627mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 09 bộ đà 2xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47303-7	1		7g30p – 16g30p	
15	Tuyến 12,7kV Sáu Vùng - Rạch Tre (47199-7), MSTS: DTH-0025186	Thay 795mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và	LBFCO 47199-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		tháp 05 bộ đà 2xU160-3m và 07 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây					
16	Tuyến 12,7kV Rạch Bà Chử - Cái Sơn (47331-7) nối dài, MSTS: DTH-0024244	Thay 469mét dây dẫn trần 2xAC50mm ² thành ACXH50+AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47331-7	1		7g30p – 16g30p	
17	Tuyến 22kV Cỏ Cò - Mỹ Lương (4721-7), MSTS: DTH-0024309	Tháp 28 bộ đà 2xU160-3m và 18 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 4721-7	1		7g30p – 16g30p	
18	Tuyến 12,7kV Lương Nhon (47163-7), MSTS: DTH-0024575	Thay 1.883mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 12 bộ đà 2xU160-3m và 14 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47163-7	1		7g30p – 16g30p	
19	Tuyến 12,7kV Cầu Vĩ - Ấp 1 ATT (47205-7), MSTS: DTH-0025189	Thay 576mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 05 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47205-7	1		7g30p – 16g30p	
20	Tuyến 12,7kV Mỹ Quới - MĐĐ (47165-7), MSTS: DTH-0024576	Thay 1.734mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 14 bộ đà 2xU160-3m và 10 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47165-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
21	Tuyến 12,7kV QL30 - Áp 4 Tân Hưng (4719-7), MSTs: DTH-0025795	Tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 11 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 4719-7	1		7g30p – 16g30p	
22	Tuyến 12,7kV QL30 - Áp 1 Tân Hưng (4711-7); MSTs: DTH-0025793	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 08 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 4711-7	1		7g30p – 16g30p	
23	Tuyến 12,7kV QL30 - Áp 2 Tân Thanh (479-7 + 47161-7); MSTs: DTH-0025789	Tháp 23 bộ đà 2xU160-3m và 19 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 479-7 + 47161-7	1		7g30p – 16g30p	
24	Tuyến 12,7kV Rạch Bà Ró (47159-7), MSTs: DTH-0024585	Tháp 07 bộ đà 2xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47159-7	1		7g30p – 16g30p	
25	Tuyến 12,7kV Côn Qui (4749-7), MSTs: DTH-0024243	Thay 2.024mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 19 bộ đà 2xU160-3m và 05 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 4749-7	1		7g30p – 16g30p	
26	Tuyến 12,7kV Hai Côn - Sáu Hiến (47201-7), MSTs: DTH-0025185	Thay 884mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 07 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47201-7	1		7g30p – 16g30p	
27	Tuyến 12,7kV Đông Thạnh (4757-7), MSTs: DTH-0024281	Thay 1.331mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém	LBFCO 4757-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 28
28	Tuyến 12,7kV Đông Thạnh nổi	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-	LBFCO 4757-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 27

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	dài, MSTS: DTH-0032106	3m nâng cao độ tỉnh không đường dây					
29	Tuyến 12,7kV Rạch Ông Sáu - Lương Ngãi (47275-7), MSTS: DTH-0021503	Tháp 10 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47275-7	1		7g30p – 16g30p	
30	Tuyến 12,7kV Rạch Bà Vệ - Lương Ngãi (47277-7), MSTS: DTH-0032096	Tháp 07 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47277-7	1		7g30p – 16g30p	
31	Tuyến 12,7kV Rạch Tre Ấp 3 - ATT (47291-7) kết lưới trụ 26, MSTS: DTH-0032108	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 07 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47291-7	1		7g30p – 16g30p	
32	Tuyến 12,7kV Mỹ Nghĩa - Rạch Chùa nối dài (47281-7), MSTS: DTH-0025802	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47281-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 41
33	Tuyến 12,7kV Xẻo Xịn nối dài - MĐT (47293-7), MSTS: DTH-0032109	Tháp 15 bộ đà 2xU160-3m và 08 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47293-7	1		7g30p – 16g30p	
34	Tuyến 12,7kV Cầu Ba Miệng - áp 2 An Hữu nối dài (điểm đầu trụ 52) (47299-7), MSTS: DTH-0025411	Tháp 07 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO điểm đầu trụ 52	1		7g30p – 16g30p	
35	Tuyến 12,7kV Vàm Ông Hồ - áp 4 ATT (47289-7), MSTS: DTH-0032107	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47289-7	1		7g30p – 16g30p	
36	Tuyến 12,7kV Mỹ Nghĩa 1- Rạch Chùa (47283-7), MSTS: DTH-0032100	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 05 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47283-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 40
37	Tuyến 12,7kV Ấp Mỹ Thạnh (47297-	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 23 bộ đà 1xU160-	LBFCO 47297-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	7), MSTS: DTH-0032111	3m nâng cao độ tỉnh không đường dây					
38	Tuyến 12,7kV Rạch Xẻo Muồng (nhánh trái hướng MĐT KL T40) (47339-7), MSTS: DTH-0024277	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 06 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47339-7	1		7g30p – 16g30p	
39	Tuyến 12,7kV Công Ông Hưng (47351-7), MSTS: DTH-0032964	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47351-7	1		7g30p – 16g30p	
40	Tuyến 12,7kV Mỹ Nghĩa 1- Rạch Chùa (47283-7), MSTS: DTH-0032100	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47283-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 36
41	Tuyến 12,7kV Mỹ Nghĩa - Rạch Chùa nối dài (47281-7), MSTS: DTH-0025802	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47281-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 32
42	Tuyến 12,7kV Rạch Xẻo Đông - MĐT (47341-7), MSTS: DTH-0032965	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47341-7	1		7g30p – 16g30p	
43	Tuyến 12,7kV Đập Thầy Hai - MĐT (47347-7), MSTS: DTH-0032966	Tháp 10 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47347-7	1		7g30p – 16g30p	
44	Tuyến 12,7kV Kinh 20 nối dài - MĐT nối dài (KL trụ 11), MSTS: DTH-0025801	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47311-7	1		7g30p – 16g30p	
45	Tuyến 12,7kV Rạch Giồng (47477-7) KL trụ 31 QL1A, MSTS: DTH-0036838	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47477-7	1		7g30p – 16g30p	
46	Tuyến 12,7kV dọc cầu Nước Đục (47481-7) KL trụ	Tháp 05 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47481-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	49 QL1A, MSTS: DTH-0036839						
47	Tuyến 12,7kV Rạch Khe Chợ - Hòa Hưng (47491-7), MSTS: DTH-0036843	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 06 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47491-7	1		7g30p – 16g30p	
48	Tuyến 12,7kV Rạch Muong Khai - Hòa Hưng (47129-7), MSTS: DTH-0025798	Thay 576mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47129-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 49
49	Tuyến 12,7kV Rạch Muong Khai - Hòa Hưng (47129-7), MSTS: DTH-0025798	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47129-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 48
50	Tuyến 12,7kV Cầu ông Đội - Rạch Xóm Chiếu (47495-7) KL trụ 39 Hòa Lộc 4731-7, MSTS: DTH-0036846	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 08 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47495-7	1		7g30p – 16g30p	
51	Tuyến 12,7kV Ngọn Cái Sơn - Hòa Hưng (47487-7) KL trụ 84 Hòa Lộc 4731-7, MSTS: DTH-0036841	Tháp 05 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47487-7	1		7g30p – 16g30p	
52	Tuyến 12,7kV Bà Sét (47507-7) KL trụ 30A, MSTS: DTH-0037200	Tháp 15 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47507-7	1		7g30p – 16g30p	
53	Tuyến 12,7kV Rạch Ông Năm (47499-7) KL trụ 18, MSTS: DTH-0037195	Tháp 07 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47499-7	1		7g30p – 16g30p	
54	Tuyến 12,7kV Rạch Thọ (47497-	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-	LBFCO 47497-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	7) KL trụ 35, MSTs: DTH-0037196	3m nâng cao độ tỉnh không đường dây					
55	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Mù U (47519-7) KL trụ 43 Mỹ Lương, MSTs: DTH-0037206	Tháp 12 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47519-7	1		7g30p – 16g30p	
56	Tuyến 12,7kV Rạch Mù U - Rạch Ông Văn (47515-7), MSTs: DTH-0037204	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47515-7	1		7g30p – 16g30p	
57	Tuyến 12,7kV Rạch Ông Văn (47513-7) KL trụ 3A Lương Lễ, MSTs: DTH-0037203	Tháp 09 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47513-7	1		7g30p – 16g30p	
58	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Mù U - Rạch Kỳ Đà (47517-7) KL trụ 15 Lương Lễ, MSTs: DTH-0037205	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 06 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47517-7	1		7g30p – 16g30p	
59	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Xẻo Quế (47525-7) KL trụ 11 - Lương Tín, MSTs: DTH-0037208	Tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47525-7	1		7g30p – 16g30p	
60	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Bà Thờ (47527-7) KL trụ 27 - Lương Tín, MSTs: DTH-0037209	Tháp 08 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47527-7	1		7g30p – 16g30p	
61	Tuyến 12,7kV Vành đai ven Sông Tiền - TL864 (47529-7) KL trụ 38 - Lương Tín, MSTs: DTH-0037210	Tháp 07 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47529-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
62	Tuyến 12,7kV đường Đồng Ao (47531-7) KL trụ 41 - Lương Tín (nổi dài), MSTS: DTH-0037211	Tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 02 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47531-7	1		7g30p – 16g30p	
63	Tuyến 12,7kV Rạch Cây Thị (47501-7) KL trụ 3A, MSTS: DTH-0037197	Tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47501-7	1		7g30p – 16g30p	
64	Tuyến 12,7kV Rạch Bà Vệ - Lương Ngãi (47505-7) KL trụ 6B, MSTS: DTH-0037199	Tháp 05 bộ đà 2xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47505-7	1		7g30p – 16g30p	
65	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Bà Tôn - Mỹ Lương (47533-7) KL trụ 59A -Mỹ Lương, MSTS: DTH-0037212	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47533-7	1		7g30p – 16g30p	
66	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Ông Bôn - Mỹ Lương (47547-7) KL trụ 82A Mỹ Lương , MSTS: DTH-0037215	Tháp 06 bộ đà 2xU160-3m và 01 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47547-7	1		7g30p – 16g30p	
67	Tuyến 12,7kV dọc Rạch Ông Trung - Mỹ Lương (47545-7) KL trụ 86A Mỹ Lương , MSTS: DTH-0037214	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47545-7	1		7g30p – 16g30p	
68	Tuyến 12,7kVRạch Bà Đặng - Rạch Bà Viễn - Mỹ Lương (47549-7) KL trụ 99A Mỹ Lương , MSTS: DTH-0037216	Tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47549-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
69	Tuyến 12,7kV Dọc Sông Cái Cối Rạch Bà Viễn - An Hữu (47521-7) KL trụ 15 R. Bà Viễn, MSTS: DTH-0037207	Tháp 09 bộ đà 2xU160-3m và 04 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 47521-7	1		7g30p – 16g30p	
70	Tuyến 12,7kV Ba Miếng - Thủ Luông (47153-7), MSTS: DTH-0024581	Thay 448mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 47153-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 71
71	Tuyến 12,7kV Ba Miếng - Thủ Luông nội dài, MSTS: DTH-0024246	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 47153-7	1		7g30p – 16g30p	Kết hợp HM 70
72	Tuyến 12,7kV Rạch Cần Lố - ấp 1 An Hữu (4795-7), MSTS: DTH-0024245	Thay 1.231mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC 50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 12 bộ đà 2xU160-3m và 06 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 4795-7	1		7g30p – 16g30p	
73	Tuyến 12,7kV Bà Tứ - Rạch Giồng, An Hữu (47155-7), MSTS: DTH-0024577	Thay 579mét dây trung hòa trần AC50mm ² thành AC50mm ² vận hành lâu năm xuống cấp, dẫn điện kém và tháp 04 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 47155-7	1		7g30p – 16g30p	
74	Tuyến 12,7kV QL1A - ấp 2 An Hữu (473-7), MSTS: DTH-0025797	Tháp 02 bộ đà 2xU160-3m và 06 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tĩnh không đường dây	LBFCO 473-7	1		7g30p – 16g30p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế			Ghi chú	
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện			Thời gian cắt điện (giờ)
				Trung thế	Hạ thế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
75	Tuyến 12,7kV Rạch Sáu Bân - Mỹ Thạnh - MDT (47509-7), MSTs: DTH-0037201	Tháp 05 bộ đà 2xU160-3m và 03 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47509-7	1		7g30p – 16g30p	
76	Tuyến 12,7kV Rạch Giồng - Rạch Sâu nối dài, MSTs: DTH-0024580	Tháp 03 bộ đà 2xU160-3m và 11 bộ đà 1xU160-3m nâng cao độ tỉnh không đường dây	LBFCO 47149-7	1		7g30p – 16g30p	

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

– Số lượng và chủng loại vật liệu, thiết bị do Chủ đầu tư cung cấp được nêu trong BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC.

– Yêu cầu kỹ thuật xem phần phụ lục THUYẾT MINH – BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG đính kèm theo hồ sơ mời thầu.

Phần vật liệu và thiết bị Chủ đầu tư cấp (A cấp): Chủ đầu tư cấp tại kho Công ty Điện lực Đồng Tháp; nhà thầu (bên B) không đưa giá vật liệu, thiết bị này vào Hồ sơ dự thầu mà chỉ tính nhân công lắp đặt và vận chuyển từ kho Công ty Điện lực Đồng Tháp đến công trường. Nếu bên B làm mất mát hoặc gây hư hỏng thì phải bồi thường cho bên A theo giá thị trường do bên A tham khảo và quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của bên A) cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi... được tính chung là 10%.

– Phần vật tư thu hồi: Nhà thầu (bên B) chỉ tính nhân công tháo thu hồi và vận chuyển về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp. Nếu bên B làm mất mát hoặc gây hư hỏng thì phải bồi thường cho bên A theo giá thị trường do bên A tham khảo và quyết định cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi... được tính chung là 10%.

1. Vật liệu, thiết bị do Nhà thầu (Bên B) cung cấp:

– Tất cả các loại vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo theo đúng yêu cầu kỹ thuật nêu trong thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt và tuân thủ các quy phạm tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành (Yêu cầu kỹ thuật xem phần phụ lục THUYẾT MINH – BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG đính kèm theo hồ sơ mời thầu).

– Chất lượng của vật liệu dùng cho công trình phải tuân thủ Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy phạm kỹ thuật xây dựng hiện hành.

– Các bản vẽ thiết kế thi công phải được đọc song song với Quy định kỹ thuật này.

1.1 Về các vật tư thiết bị trong gói thầu do nhà thầu cấp (B cấp) phải đáp ứng như sau:

Các VTTB nhà thầu chào (B cấp) phải đáp ứng các yêu cầu thí nghiệm điển hình của Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam và các quy định đang có hiệu lực của EVN, các hồ sơ như sau:

a) Cung cấp bảng chào thông số kỹ thuật của các món VTTB B cấp.

b) Cung cấp các hạng mục thí nghiệm điển hình tương ứng theo các VTTB B cấp: đã quy định trong thí nghiệm điển hình đã nêu trong 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 Quy định đặc tính kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện trung hạ áp và 110kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam.

1.2. Về biên bản thí nghiệm điển hình (BBTNĐH) nộp trong E-HSDT phải đáp ứng như sau:

i) Đối với Biên bản thí nghiệm điển hình (BBTNĐH) do các phòng thí nghiệm trong nước thực hiện phải đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- Bản sao BBTNĐH phải là bản sao y chứng thực của tổ chức hợp pháp hoặc sao y của đơn vị thí nghiệm (không chấp nhận nhà thầu tự sao y).
- Hoặc nhà thầu có công văn cam kết đối chiếu bản chính (nếu nhà thầu cung cấp bản sao) trong quá trình thương thảo hợp đồng.

ii) Đối với BBTNĐH do các phòng thí nghiệm nước ngoài thực hiện phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Bản sao BBTNĐH phải là bản sao y chứng thực của tổ chức hợp pháp hoặc sao y của đơn vị thí nghiệm (không chấp nhận nhà thầu tự sao y).
- Hoặc thư xác nhận của nhà sản xuất (bản chính) kèm BBTNĐH (Type test report) có đóng dấu giáp lai từng trang trên BBTNĐH (nếu nhà thầu cung cấp bản sao).

iii) Về biên bản thử nghiệm điển hình được thực hiện và chứng nhận bởi phòng thử nghiệm độc lập đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:

- Yêu cầu nhà thầu nộp hạng mục cấp phép thử nghiệm (Accreditation List) đạt chuẩn ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm.
- Yêu cầu nhà thầu cung cấp chứng nhận/Thư xác nhận số BBTNĐH do phòng thí nghiệm cấp.

iiii) Nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận của Nhà sản xuất hoặc các đơn vị đã được nhà sản xuất ủy quyền về việc sử dụng các biên bản thí nghiệm điển hình nộp trong E-HSDT, trong đó thể hiện:

STT	Hạng mục thử nghiệm	Bảng kê các Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT					Ghi Chú
		Mục/ số trang có hạng mục thử nghiệm	Số BBTN/ngày phát hành	Tên phòng thử nghiệm	Mã hiệu sản phẩm thử nghiệm	Tiêu chuẩn thử nghiệm	
1	a						
2	b						
3	c						
.....						

– Tất cả các vật tư do nhà thầu cung cấp phải đáp ứng theo Quy định đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung hạ thế đã được Tổng công ty Điện lực miền Nam ban hành tại Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 Quy định đặc tính kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện trung hạ áp và 110kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam và các quy định đang có hiệu lực của EVN, EVNSPC. Phần trụ điện BTLT phải được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016; và được thử nghiệm nghiệm thu dưới sự chứng kiến của Bên A. Toàn bộ chi phí thí nghiệm thuộc chi phí của Nhà thầu, Nhà thầu tự tính toán đưa chi phí này vào giá chào thầu (kể cả chi phí thiết bị sử dụng lắp đặt tạm để đóng cắt giới hạn phạm vi thi công nhằm hạn chế khu vực bị mất điện).

– Trong trường hợp có nghi ngờ hoặc cần thiết kiểm tra tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu nhà thầu cung cấp trong HSDT, hồ sơ làm rõ, Bên mời thầu sẽ tiến hành thực hiện xác minh tại bên thứ 3 liên quan hoặc yêu cầu nhà thầu cung cấp bản chính các hồ sơ liên quan (bằng cấp, chứng chỉ, văn bản xác nhận của nhà sản xuất, Biên bản thử nghiệm, xác nhận vận hành thành công, ...) để kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận và sẽ bị xử lý vi phạm theo điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025.

2. Nội dung công việc chính và yêu cầu kỹ thuật:

2.1 Những công việc ban đầu:

– Sau khi nhận mặt bằng thi công do Chủ đầu tư và Đơn vị thiết kế giao, Nhà thầu có trách nhiệm đo đạc kiểm tra lại các mốc, xác định vị trí các hạng mục công trình chủ yếu. Trường hợp phát hiện có sai lệch khác với mốc đã giao, nhà thầu kịp thời báo cho Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế để có biện pháp kiểm tra lại và hiệu chỉnh kịp thời.

– Nhà thầu phải có người và có phương tiện đo đạc kiểm tra công việc nêu trên và phải chịu trách nhiệm việc đo đạc kiểm tra này.

2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng nội dung công việc:

2.2.1. Công tác định vị đường dây:

Sau khi nhận bàn giao tuyến đường dây, Nhà thầu tiến hành công việc trắc địa để thông tuyến, chia cột mốc trung gian. Cọc phải bố trí sao cho không trở ngại giao thông và phải được bảo vệ tránh hư hại, ký hiệu cọc tim mốc đường dây phải dùng sơn. Nếu trong quá trình phóng tuyến, chia cột trung gian Nhà thầu phát hiện những sai khác so với hồ sơ thiết kế thì phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư biết để có biện pháp xử lý.

2.2.2. Công tác vận chuyển:

Trước khi vận chuyển, nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện và nhân lực phù hợp với loại vật tư cần vận chuyển. Đồng thời Nhà thầu phải kiểm tra, khảo sát tình trạng các tuyến đường vận chuyển để có biện pháp vận chuyển phù hợp. Nhà thầu tự tổ chức xin phép với Cơ quan chức năng tại khu vực thi công để được phép đưa phương tiện cơ giới vào thi công.

- Vận chuyển cột điện: Phải dùng xe chuyên dùng phù hợp với chủng loại cột (loại cột và chiều dài cột), phải có biện pháp chằng buộc chắc chắn. Khi bốc dỡ cột lên xuống phương tiện vận chuyển phải dùng cầu hoặc thiết bị tương đương, cấm không được bẩy cột rơi xuống từ phương tiện vận chuyển.

- Dây dẫn phải được vận chuyển ở tư thế lăn (tư thế thẳng đứng).

- Cách điện khi vận chuyển phải được giữ nguyên kiện, tránh vận chuyển chung với các vật rắn khác có khả năng gây va đập, hư hỏng.

- Các loại vật tư thiết bị khác phải được vận chuyển và bốc dỡ theo đúng hướng dẫn của nhà chế tạo, không được để xảy ra hư hỏng và thất lạc.

Công tác tái lập mặt đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển vật liệu phục vụ thi công công trình, nhà thầu tự chịu chi phí để thực hiện.

2.2.3. Công tác làm móng:

a. Định vị công trình:

- Trước khi thi công phải tiến hành bàn giao cọc mốc và cọc tim. Sau khi bàn giao nhà thầu phải đóng thêm những cọc phụ cần thiết cho việc thi công, nhất là những chỗ đặc biệt như thay đổi độ dốc chỗ đường vòng, nơi tiếp giáp đào và đắp v.v ... Những cọc mốc phải được dẫn ra ngoài phạm vi ảnh hưởng của xe máy thi công và phải được bảo vệ chu đáo để có thể nhanh chóng khôi phục lại những cọc mốc chính đúng vị trí thiết kế khi cần kiểm tra thi công.

- Yêu cầu của công tác định vị, dựng khuôn là phải xác định được vị trí tim, trục công trình, chân mái đất đắp, mép đỉnh mái đất đào.

- Phải sử dụng máy trắc địa để định vị công trình và phải có bộ phận trắc đạc thường trực ở công trường để theo dõi kiểm tra tim cọc mốc công trình trong quá trình thi công.

b. Công tác đào đất:

– Trước khi đào hố móng phải xây dựng hệ thống tiêu nước. Tùy theo địa hình và tính chất công trình nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công các công việc cần thiết để đào rãnh, đắp bờ con trạch ngăn không cho nước chảy vào hố móng công trình.

– Đất thừa không đảm bảo chất lượng phải đổ ra bãi thải qui định, không được đổ bừa bãi làm ứ đọng nước làm ngập úng các công trình lân cận, làm trở ngại thi công.

– Khi đào hố móng công trình cắt ngang qua hệ thống kỹ thuật ngầm đang hoạt động, trước khi tiến hành đào đất nhà thầu phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

– Khi đào hố móng công trình phải để lại một lớp bảo vệ để chống xâm thực và phá hoại của thiên nhiên (gió, mưa, nhiệt độ...). Bề dày lớp bảo vệ tùy theo điều kiện địa chất công trình và tính chất của công trình nhưng không nhỏ hơn 200mm. Lớp bảo vệ chỉ được bóc đi trước khi bắt đầu xây dựng công trình (đổ bê-tông, xây).

– Khi đào hố móng công trình phải có biện pháp chống sạt lở, lún và làm biến dạng những công trình lân cận (nếu có).

– Trường hợp móng công trình nằm trên nền đá cứng thì toàn bộ đáy móng phải đào tới độ sâu công trình thiết kế. Không được để lại cục bộ những mô đá cao hơn cao trình thiết kế.

c. Công tác đắp đất:

– Đắp đất móng phải đắp thành từng lớp rồi đầm chặt. Độ chặt và chiều dày từng lớp đất đắp theo như bản vẽ thiết kế qui định.

– Nền công trình và các kết cấu khuất lấp dưới đất trước khi đắp phải được kiểm tra và nghiệm thu.

– Khi đắp hố móng trên nền đất ướt hoặc ngập nước phải tiến hành tiêu thoát nước và vét bùn. Không được dùng đất khô nhào lẫn đất ướt để đắp.

2.2.4. Công tác bê tông: nhà thầu có thể chào bê tông thương phẩm để sử dụng trong quá trình đổ bê tông móng trụ. Đối với bê tông thương phẩm đề nghị nhà thầu chào nhà cung cấp, kèm theo biên bản thử nghiệm cường độ nén bê tông. Các hạng mục đổ bê tông móng trụ nhà thầu phải phân bổ chi phí thử nghiệm bê tông vào trong giá dự thầu.

a. Vật liệu:

* Xi măng:

– Xi măng đưa vào công trình phải có giấy xuất xưởng hoặc phiếu kiểm tra cường độ xi măng và phải được thử nghiệm theo TCVN 4029:1995. Thời hạn lưu kho xi măng không được quá 3 tháng.

*** Cát, sỏi (đá):**

– Cỡ hạt của cát, sỏi (đá) phải theo phải theo TCVN 1771:1987 - cát xây dựng và TCVN 1770:1996 - đá dăm, sỏi và sỏi dăm dùng trong xây dựng.

*** Nước:**

– Tất cả nước dùng để trộn bê tông phải là nước sạch, không có dầu, chất kiềm và các chất hữu cơ có hại. Nước để trộn bê tông và bảo dưỡng bê tông phải thỏa mãn các yêu cầu TCVN 5294:1995.

*** Cốt thép:**

– Cốt thép (BTCT) phải đảm bảo các yêu cầu của thiết kế đồng thời phù hợp với TCVN 5574:1991, TCVN 1651-85. Nhà thầu phải nêu cụ thể chủng loại và tên nhà sản xuất các loại thép xây dựng (kể cả thép dùng để gia công tiếp địa) trong Hồ sơ dự thầu. Tất cả các loại thép phải được thí nghiệm kiểm tra theo TCVN 197-95 “Kim loại phương pháp thử kéo” và TCVN 198-85 “Kim loại phương pháp thử uốn”.

b. Chứa xi măng

– Nếu xi măng được giao trong bao, phải chứa trong kho thoáng khí, không dột và được xếp cách li với mặt đất.

c. Chứa cốt thép và các kết cấu thép

– Cốt thép sẽ được chứa theo kích cỡ, loại và chiều dài, cách ly khỏi mặt đất bằng các gối kê.

2.2.5. Công tác dựng cột:

– Công tác dựng cột phải tiến hành theo qui trình thi công phù hợp với từng chủng loại cột, kết cấu móng.

– Trước khi dựng cột BTLT nhất thiết phải kiểm tra thân cột có nứt, sứt mẻ quá qui định cho phép không. Nếu có sứt mẻ trong qui định cho phép thì phải được xử lý ngay bằng cách trát vữa xi măng - cát cấp phối 1:2. Công tác dựng cột BTLT phải được thực hiện đúng phương pháp đã được nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu và phù hợp với thiết kế tổ chức thi công. Sau khi cột được dựng phải được kiểm tra độ nghiêng, độ lệch so với qui định cho phép.

– Đối với các vị trí thi công dựng trụ bằng cơ giới: Nhà thầu tự tổ chức xin phép với Cơ quan chức năng tại khu vực thi công để được phép đưa phương tiện cơ giới vào thi công.

2.2.6. Công tác lắp đặt hệ thống tiếp địa:

– Độ chôn sâu của dây tiếp địa và cọc tiếp địa, khoảng cách giữa cọc tiếp địa, giải pháp nối tiếp địa ... Nhà thầu phải thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế.

– Sau khi đã thực hiện xong công tác lắp đặt hệ thống tiếp địa, nhà thầu có trách nhiệm đo lấy số liệu điện trở tiếp địa cho từng vị trí cột và các trạm biến áp,

thông báo ngay cho bên A và đơn vị thiết kế biết để xem xét và có biện pháp xử lý trong trường hợp điện trở tiếp đất chưa đạt yêu cầu của quy phạm hiện hành.

– Nếu có vị trí chưa đạt trị số điện trở tiếp đất theo quy định, nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra lại việc lắp đặt hệ thống tiếp địa đã được thi công, đồng thời thực hiện công tác lắp đặt bổ sung tiếp địa theo yêu cầu của cơ quan thiết kế.

2.2.7. Công tác rải căng dây dẫn:

– Nhà thầu phải có dụng cụ nâng bành dây để xả dây khỏi bành dây. Cần thiết phải dọn bãi dây ở các điểm néo dây, chủ yếu ở các cột néo để đặt các dụng cụ néo dây. Công tác rải dây và căng dây dẫn có thể được thực hiện bằng thủ công hoặc thủ công kết hợp cơ giới. Khi kéo dây phải hết sức tránh tình trạng dây bị kéo lê trên mặt đất, trên các kết cấu cứng có thể làm mài mòn hoặc trầy xước dây. Phải dùng puli để gác dây và kéo dây qua các vị trí cột.

– Dây sau khi kéo và đưa lên xà, tiến hành căng dây, lấy độ võng và lắp khóa cố định. Độ võng căng dây phù hợp theo yêu cầu của thiết kế.

– Sau khi căng dây lấy độ võng, nhà thầu phải kiểm tra lại khoảng cách an toàn từ mặt đất đến điểm võng nhất của dây và phải ghi vào nhật ký công trình. Kết quả đo được cùng ngày, giờ và thời tiết lúc kiểm tra.

2.2.8. Công tác lắp đặt cách điện:

– Cách điện và phụ kiện trước khi lắp phải được lau chùi sạch sẽ. Nhà thầu phải kiểm tra để phát hiện trường hợp cách điện bị vỡ, hư hỏng mà mắt thường có thể phát hiện. Khi lắp đặt các phụ kiện sứ, nhà thầu phải sử dụng đúng các dụng cụ thi công theo yêu cầu của nhà chế tạo.

2.2.9. Công tác lắp đặt thiết bị:

a. Các bước chuẩn bị:

– Trước khi lắp đặt, nhà thầu phải nghiên cứu kỹ bản vẽ thiết kế và catalogue của các thiết bị cùng với các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất, kiểm kê đầy đủ các phụ kiện và các dụng cụ thi công cần thiết.

b. Lắp đặt thiết bị điện:

– Công tác này phải được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn của nhà chế tạo thiết bị, bản vẽ thiết kế, các quy phạm thi công hiện hành.

2.2.10. Thí nghiệm: (nếu có)

– Việc kiểm tra và thí nghiệm ở công trường hoặc trong phòng thí nghiệm cần được thực hiện dưới sự giám sát của kỹ sư bên Chủ đầu tư hoặc người đại diện được ủy quyền. Nhà thầu tiến hành đầy đủ các hạng mục thí nghiệm trong quá trình thi công theo quy định của Ngành điện và xây dựng. Sau khi tiến hành xong Nhà thầu phải lập biên bản thí nghiệm.

– Các hạng mục thí nghiệm đạt tiêu chuẩn là cơ sở để tiếp tục tiến hành các công việc tiếp theo. Công tác thí nghiệm gồm có:

- + Thí nghiệm phân xây dựng.
- + Thí nghiệm phân điện.

– Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, đo đạc lại thông số kỹ thuật của cáp ngầm khi thi công hoàn chỉnh để các Bên tiến hành đóng điện thử nghiệm vận hành, nếu kết quả không đạt thì Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại (toàn bộ chi phí khắc phục thiệt hại do Nhà thầu chịu).

2.2.11. Công tác thu dọn và vệ sinh sau khi thi công:

– Nhà thầu có trách nhiệm thu dọn, làm sạch và hoàn trả lại mặt bằng mà trong quá trình thi công đã bị hư hại hoặc chiếm dụng. Tất cả các máy móc, vật tư thiết bị, các nguyên vật liệu và đất thừa còn dư trong quá trình thi công phải được dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực.

– Công tác này chỉ được công nhận là hoàn tất khi được chủ đầu tư xác nhận, và phải được hoàn tất trước ngày nghiệm thu bàn giao công trình 03 ngày.

2.2.11. Công tác nghiệm thu, bàn giao:

– Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trước khi nghiệm thu như: các biên bản nghiệm thu kỹ thuật, các biên bản thí nghiệm, nhật ký công trình, các biên bản xử lý tồn tại ...

– Chuẩn bị nhân lực, phương tiện phục vụ cho đóng điện và xử lý sự cố.

3. Nhật ký thi công, nghiệm thu hạng mục công việc và chuyển giai đoạn thi công; tổ chức lấy mẫu và thí nghiệm; biện pháp thi công và tổ chức giám sát nghiệm thu:

– Đối với công tác ghi chép và lưu trữ Nhật ký thi công: Nhà thầu thực hiện ghi chép đầy đủ các bước từ trong quá trình thi công cho từng hạng mục công trình.

– Đối với công tác tổ chức nghiệm thu hạng mục công việc: Thực hiện nghiệm thu kịp thời sau khi hạng mục công việc đã được kiểm tra tại công trường đạt yêu cầu thiết kế và đồng ý cho phép triển khai hạng mục công việc tiếp theo để công tác thi công được liên tục và có đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng cho các hạng mục công việc đã thực hiện tại công trường.

– Đối với công tác lấy mẫu phục vụ công tác thí nghiệm mẫu: Thực hiện lập Biên bản lấy mẫu và thí nghiệm mẫu phục vụ công tác nghiệm thu chuyên giai đoạn (hạng mục móng bê tông và đất đắp móng).

4. Phải thực hiện tốt biện pháp an toàn sau khi thực hiện từng hạng mục công việc, trong đó lưu ý công tác lấp đất, đầm chặt hoàn trả mặt bằng tránh việc mất an toàn xung quanh vị trí móng tạo thành hố sâu, hồ nước đọng lại hoặc không thể tháo dỡ các bộ chằng tạm phục vụ thi công;

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1		Bản vẽ mặt bằng tuyển được phê duyet theo Quyết định số 3084/QĐ- PCĐT ngày 20/11/2025	Đính kèm hồ sơ mời thầu